

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban điều hành



Trần Quang Đăng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 03 năm 2023



Số: 120323.003/BCTC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban điều hành
Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hải Phòng được lập ngày 11 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Căn cứ theo Văn bản số 1917/KHĐT-DN ngày 07/07/2022 Sở kế hoạch và Đầu tư ban hành về việc triển khai Quyết định số 360/QĐ-TTG ngày 17/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025 và căn cứ theo Quyết định 4417/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu lại Công ty, Công ty thực hiện giảm Hao mòn lũy kế của Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình có giá trị là 303,22 tỷ đồng, giảm Công cụ dụng cụ từ Ban Quản lý dự án bàn giao 3,28 tỷ đồng. Đồng thời Công ty ghi nhận tăng Nguồn kinh phí đã hình thành Tài sản cố định là 261,16 tỷ đồng và tăng Vốn khác của chủ sở hữu là 45,34 tỷ đồng. Đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty chưa được các cơ quan nhà nước phê duyệt phương án bàn giao nguồn vốn, tài sản công ích như đã nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hải Phòng tại 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

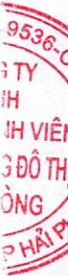
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2023

Bùi Thị Loan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4927-2022-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		105.376.936.950	104.964.731.461
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	9.221.450.601	14.060.324.892
111	1. Tiền		9.221.450.601	14.060.324.892
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		92.284.744.427	88.821.916.375
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	55.294.351.361	49.616.899.967
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	178.500.000	178.500.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	06	3.257.675.861	5.545.771.881
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	33.554.217.205	33.480.744.527
140	III. Hàng tồn kho	08	3.084.824.856	1.116.016.097
141	1. Hàng tồn kho		3.084.824.856	1.116.016.097
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		785.917.066	966.474.097
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	682.538.072	966.474.097
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	103.378.994	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		518.532.023.624	239.302.245.687
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		59.952.455.913	70.501.160.835
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	59.952.455.913	70.501.160.835
220	II. Tài sản cố định		458.579.567.711	158.401.084.852
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	455.657.621.155	157.349.184.093
222	- Nguyên giá		514.906.504.245	505.400.618.210
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.248.883.090)	(348.051.434.117)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.921.946.556	1.051.900.759
228	- Nguyên giá		2.976.946.556	3.041.946.556
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55.000.000)	(1.990.045.797)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	10.400.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	10.400.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		623.908.960.574	344.266.977.148

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		141.113.258.828	171.901.490.658
310	I. Nợ ngắn hạn		79.194.202.915	101.400.329.823
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	7.916.716.380	6.321.672.552
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	52.045.593	3.786.605.343
314	3. Phải trả người lao động		16.186.882.957	13.716.137.672
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	31.475.810.238	28.655.388.340
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	16	2.909.878.867	1.852.722.811
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		25.438.553	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.652.611.186	1.839.447.296
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	-	19.521.960.768
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	5.021.011.269	4.569.277.250
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.953.807.872	21.137.117.791
330	II. Nợ dài hạn		61.919.055.913	70.501.160.835
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	59.952.455.913	70.501.160.835
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	1.966.600.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		482.795.701.746	172.365.486.490
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	65.393.421.457	18.853.788.239
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.805.513.614	7.805.513.614
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		45.337.218.242	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.184.321.420	569.753.315
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		66.368.181	10.478.521.310
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	20	417.402.280.289	153.511.698.251
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		417.402.280.289	153.511.698.251
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		623.908.960.574	344.266.977.148

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Nhung

Trưởng phòng Kế toán tài vụ

Nguyễn Thị Hương Giang

Hải Phòng, ngày 11 tháng 03 năm 2023



Trần Quang Đăng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	336.181.669.369	320.453.122.293
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		336.181.669.369	320.453.122.293
11	4. Giá vốn hàng bán	22	309.816.260.214	292.016.146.674
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.365.409.155	28.436.975.619
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	56.635.561	51.040.423
22	7. Chi phí tài chính	24	288.984.217	245.701.326
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		288.984.217	245.701.326
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18.946.638.684	19.809.833.289
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.186.421.815	8.432.481.427
31	11. Thu nhập khác	26	502.710.656	23.580.261
32	12. Chi phí khác	27	120.434.503	14.589.392
40	13. Lợi nhuận khác		382.276.153	8.990.869
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.568.697.968	8.441.472.296
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.570.284.869	1.714.890.264
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.998.413.099</u>	<u>6.726.582.032</u>

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Nhung

Hải Phòng, ngày 11 tháng 03 năm 2023
Trưởng phòng Kế toán tài vụ

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Giang

Trần Quang Đăng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		358.154.041.632	353.892.332.638
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(170.141.161.844)	(206.540.600.387)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(129.762.741.506)	(130.723.263.593)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(288.984.217)	(245.701.326)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.722.191.751)	(2.191.615.322)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.310.778.037	18.392.083.744
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.071.171.882)	(49.448.884.640)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.478.568.469	(16.865.648.886)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.013.717.553)	(1.726.422.013)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		195.000.000	
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.635.561	51.040.423
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.762.081.992)	(1.675.381.590)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		15.616.513.301	31.763.597.301
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(33.171.874.069)	(12.511.636.533)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.555.360.768)	19.251.960.768
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.838.874.291)	710.930.292
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.060.324.892	13.349.394.600
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	9.221.450.601	14.060.324.892

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Nhung

Trưởng phòng Kế toán tài vụ

Nguyễn Thị Hương Giang

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Quang Đăng